

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 168/2018/HNGĐ – ST

Ngày 23/11/2018.

V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUẬT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long

2. Ông Hoàng Viết Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 717/2018//TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173 /2018/QĐXX – HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Viết H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khối 10, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Bạch Thị Thủy N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 127 đường T, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, nguyên đơn – anh Lê Viết H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Bạch Thị Thủy N chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An ngày 30/7/2002. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp và không tôn trọng lẫn nhau. Nay, giữa tôi và chị N không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục duy

trì được mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, cho tôi được thuận tình ly hôn với chị N.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống với nhau chúng tôi có 02 con chung tên là Lê Viết H, sinh ngày 25/02/2002 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 25/02/2002. Sau khi ly thân tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai cháu. Do đó, sau khi ly hôn tôi có nguyện nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Viết H và Lê Thị Thanh T đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Viết H trình bày do điều kiện xa xôi, khó khăn trong việc đi lại, nên đã đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tiến hành hòa giải và làm đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Bạch Thị Thúy N mặc trình bày: Tôi và anh Lê Viết H chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An ngày 30/7/2002. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp và không tôn trọng lẫn nhau. Nay, giữa tôi và anh Lê Viết H không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, cho tôi được thuận tình ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống với nhau chúng tôi có 02 con chung tên là Lê Viết H, sinh ngày 25/02/2002 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 25/02/2002. Tôi đồng ý giao cả hai cháu Lê Viết H và Lê Thị Thanh T cho anh Lê Viết H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy nguyên đơn – anh Lê Viết H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng do điều kiện xa

xôi, khó khăn trong việc đi lại nên đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tiến hành hòa giải và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với chị Bạch Thị Thúy N, đồng thời có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên tòa anh Lê Viết H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

Anh Lê Viết H và chị Bạch Thị Thúy N có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 30/7/2007 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Viết H, sinh ngày 25/02/2002 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 25/02/2002. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên anh H và chị N đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Bạch Thị Thúy N xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho chị và anh Lê Viết H được thuận tình ly hôn. Sau khi ly thân cháu Lê Viết H, sinh ngày 25/02/2002 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 25/02/2002, đều do anh H chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, ngoài ra các cháu cũng đều có nguyện vọng được ở với bố nên chị N đồng ý giao cả hai cháu Lê Viết H và Lê Thị Thanh T cho anh Lê Viết H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Viết H và chị Bạch Thị Thúy N tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với tài sản chung và nợ chung, anh chị không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị N đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2012 cho tới nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, anh H và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho thuận tình ly hôn. Do đó, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Viết H và chị Bạch Thị Thúy N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Viết H về yêu cầu được ly hôn với chị Bạch Thị Thúy N.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Viết H, sinh ngày 25/02/2002 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 25/02/2002. Sau khi ly hôn anh Lê Viết H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H và cháu T. Tại phiên tòa, chị Bạch Thị Thúy N đồng ý giao cả hai cháu Lê Viết H và Lê Thị Thanh T cho anh Lê Viết H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Trong quá trình giải quyết vụ án, thì cháu Lê Viết H và Lê Thị Thanh T cũng có nguyện vọng ở với bố, như vậy yêu cầu của các đương sự là chính đáng và đảm bảo được sự phát triển cho con. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Viết H, sinh ngày 25/02/2002 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 25/02/2002 cho anh Lê Viết H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Chị Bạch Thị Thúy N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Lê Viết H và chị Bạch Thị Thúy N tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: anh Lê Viết H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Viết H. Cho anh Lê Viết H được ly hôn với chị Bạch Thị Thúy N.

- Về con chung: Giao cháu Lê Viết H, sinh ngày 25/02/2002 và cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 25/02/2002 cho anh Lê Viết H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Chị Bạch Thị Thúy N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Lê Viết H và chị Bạch Thị Thúy N tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:

Anh Lê Viết H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà anh Lê

Viết H đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002089 ngày 25/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND phường Bến Thủy, Tp.Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl